

CÔNG TY TNHH TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VISITA VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VISITA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM VISITA TRADING AND SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VISITA CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108392320

3. Ngày thành lập: 08/08/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 29, ngõ 61, Phùng Chí Kiên, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
2.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
3.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: - Đại lý (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4610
5.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
6.	Trồng cây mía	0114
7.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
8.	Trồng cây cao su	0125
9.	Trồng cây cà phê	0126
10.	Khai thác thủy sản biển	0311
11.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
12.	Trồng cây ăn quả	0121
13.	Trồng cây điều	0123
14.	Trồng cây chè	0127
15.	Trồng cây lâu năm khác	0129
16.	Chăn nuôi lợn	0145
17.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
18.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
19.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211

20.	Chăn nuôi gia cầm	0146
21.	Chăn nuôi khác	0149
22.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
23.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
24.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
25.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
26.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
27.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
28.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
29.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
30.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
31.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
32.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng	1079
33.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
34.	Bán buôn gạo	4631
35.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt - Bán buôn thủy sản - Bán buôn rau, quả - Bán buôn cà phê - Bán buôn chè - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Kinh doanh thực phẩm chức năng	4632
36.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912(Chính)
37.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
38.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
39.	Bán buôn đồ uống	4633
40.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
41.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	8230

42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Giao nhận hàng hóa; - Gửi hàng; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần; - Hoạt động liên quan khác như lấy mẫu, cân hàng hoá...liên quan đến vận tải.	5229
43.	Quảng cáo	7310
44.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
45.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
47.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
48.	Bốc xếp hàng hóa	5224
49.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự	5510
50.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
51.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
52.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
53.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
54.	Đại lý du lịch	7911
55.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
56.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
57.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
58.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
59.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
60.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
61.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
62.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621

63.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết : - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể. - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng ; - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.	5629
64.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
65.	Cho thuê xe có động cơ	7710
66.	Trồng cây lấy sợi	0116
67.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
68.	Trồng cây hàng năm khác	0119
69.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
70.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
71.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
72.	Trồng cây hồ tiêu	0124
73.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
74.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
75.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
76.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
77.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
78.	Bán buôn tổng hợp	4690
79.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
80.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932

81.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
82.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
83.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
84.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
85.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
86.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
87.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
88.	Sản xuất đường	1072
89.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
90.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
91.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
92.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
93.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: - Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm - Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú ngắn hạn hoặc dài hạn cho khách thuê trọ như: nhà trọ cho công nhân, toa xe đường sắt cho thuê trọ, các dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú khác chưa kể ở trên	5590
94.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
95.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
96.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
97.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
98.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
99.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
100.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
101.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	8299
102.	Trồng lúa	0111
103.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
104.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
105.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
106.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013

107.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
108.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599

6. Vốn điều lệ: 1.500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	BÙI NGUYỄN MINH	Đội 5, Xã Đan Phượng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	600.000.000	40,000	111342933	
2	BÙI THẾ TRỌNG	Số nhà 23, ngõ 10 Dược Phẩm, tập thể công ty Dược, tổ 3, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	300.000.000	20,000	001079016071	
3	ĐỖ ANH TUẤN	Số nhà 79, ngõ 96, đường Ngô Gia Tự, Tổ 2, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	300.000.000	20,000	013071205	
4	NGUYỄN THỊ LIỆU	Thôn Khê Hối, Xã Hà Hối, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	300.000.000	20,000	C2857422	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI THẾ TRỌNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/05/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001079016071

Ngày cấp: 03/04/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 23, ngõ 10 Dục Phẩm, tập thể công ty Dục, tổ 3, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 23, ngõ 10 Dục Phẩm, tập thể công ty Dục, tổ 3, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội